

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 143/2021/QĐST-HNGĐ

B, ngày 29 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 139/2021/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn” giữa người yêu cầu:

- Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1975. Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: phường Ngọc Hà, quận B, thành phố H.

- Anh **Trần Anh T**, sinh năm 1974. Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: phường Giảng Võ, quận B, thành phố H.

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Anh T có đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 12 năm 1998 tại UBND phường Giảng Võ, quận B, thành phố H (số 123, quyển số I.98).

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Nguyễn Thị Thu H** và anh **Trần Anh T**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung:

Giao con chung là cháu **Trần Bảo K**, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2006 cho chị **H** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Trần Bảo K**. Anh **T** tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng, thời gian đóng góp kể từ tháng 4/2021 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh **Trần Anh T** có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Đối với con chung là cháu **Trần Hạnh C**, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2001 đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh, việc cháu ở với ai do cháu tự quyết định, vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về tài sản chung (động sản và bất động sản):** Chị **Nguyễn Thị Thu H** và anh **Trần Anh T** xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Chị **Nguyễn Thị Thu H** và anh **Trần Anh T** xác nhận anh chị không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về lệ phí sơ thẩm:** Anh **Trần Anh T** tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001296 ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân thành phố H;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận B;*
- *Chi cục THA dân sự quận B;*
- *UBND phường Giảng Võ, quận B, thành phố H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhung